TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2024
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích .
2. Ông Nguyễn Hoàng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: bà Phan Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2024 về "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXX-ST ngày 18/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐ-ST ngày 19/4/2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: anh Nguyễn Sỹ H, sinh năm: 1978.

Nơi thường trú: tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

***Bị đơn:** chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1975.

Nơi thường trú: tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn Nguyễn Sỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị Kim A kết hôn với nhau ngày 31/12/2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc

Giang. Trước khi kết hôn chị Nguyễn Thị Kim A đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Sau khi kết hôn, đến ngày 01/01/2020 thì chị Nguyễn Thị Kim A lại sang Hàn Quốc làm việc, còn anh vẫn ở Việt Nam sinh sống và làm việc, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau, sau đó do sống xa cách nhau lâu ngày nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã cắt đứt liên lạc với nhau, từ đó đến nay chị Nguyễn Thị Kim A chưa về nước. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn tình cảm gì với nhau nữa. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim A.

Về con chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh H còn trình bày: hiện nay, chị Nguyễn Thị Kim A vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị Kim A ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì đã lâu anh không liên lạc được với chị Nguyễn Thị Kim A, chị Nguyễn Thị Kim A vẫn liên lạc về cho em gái chị Nguyễn Thị Kim A là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1981, trú tại Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng chị Y cũng không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị Kim A được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị Kim A.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim A không có bản tự khai.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với em gái của chị Nguyễn Thị Kim A là chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1981; trú tại: thôn Đ, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu chị Y thông báo cho chị Nguyễn Thị Kim A biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Sỹ H và chị Nguyễn Thị Kim A; yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim A viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu chị Nguyễn Thị Y cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Nguyễn Thị Kim A ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua làm việc chị Y vẫn giữ nguyên quan điểm là chị Nguyễn Thị Kim A ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị nhưng chị không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Nguyễn Thị Kim A ở nước ngoài cho Tòa

án, vì đây là việc cá nhân của chị Nguyễn Thị Kim A, chị đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Nguyễn Thị Kim A biết để chị Nguyễn Thị Kim A gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị Nguyễn Thị Kim A gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Sỹ H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Kim A vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh H, Biên bản làm việc với chị Nguyễn Thị Y là em gái của chị Nguyễn Thị Kim A và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Nguyễn Sỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim A không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị M; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Kim A là đúng.

-Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150 BLTTDS; khoản 1,3 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Sỹ H.

Về hôn nhân: cho anh Nguyễn Sỹ H được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim A.

Về án phí : anh Nguyễn Sỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Anh Nguyễn Sỹ H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Sỹ H.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim A vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với chị Nguyễn Thị Y là em gái của chị

Nguyễn Thị Kim A để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị Y thông báo cho chị Nguyễn Thị Kim A biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Sỹ H và chị Nguyễn Thị Kim A; Yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim A viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu chị Y cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Nguyễn Thị Kim A ở nước ngoài. Chị Nguyễn Thị Y trình bày: Chị gái chị là chị Nguyễn Thị Kim A ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị. Tuy nhiên, chị Y vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Nguyễn Thị Kim A cho Tòa án. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Kim A theo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền: anh Nguyễn Sỹ H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị Kim A, chị Nguyễn Thị Kim A hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 3685/QLXNC-P3 ngày 23/02/2024 của Cục Q - Bộ C), thì chị Nguyễn Thị Kim A đã xuất nhập cảnh 07 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 01/01/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị Kim A ở Việt Nam là: thôn Đ, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. **Về quan hệ Hôn nhân**: anh Nguyễn Sỹ H và chị Nguyễn Thị Kim A kết hôn ngày 31/12/2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh H đề nghị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim A.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Sỹ H. Hội đồng xét xử thấy: trước khi anh H kết hôn với chị Nguyễn Thị Kim A thì chị Kim A đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, sau khi kết hôn được 01 ngày, đến ngày 01/01/2020 thì chị Nguyễn Thị Kim A lại sang Hàn Quốc làm việc, còn anh H vẫn ở Việt Nam sinh sống, kể từ đó đến nay chị Nguyễn Thị Kim A chưa về nước, vợ chồng đã cắt đứt liên lạc và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị Nguyễn Thị Kim A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy,

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Sỹ H. Xử cho anh Nguyễn Sỹ H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim A.

[**4]. Về con chung**: anh H và chị Nguyễn Thị Kim A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[**5] .Về tài sản, công nợ:** anh Nguyễn Sỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: anh Nguyên Sỹ H1 phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: cho anh Nguyễn Sỹ H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim A.

2.Về án phí: anh Nguyễn Sỹ H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001081 ngày 27/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Sỹ H đã nộp đủ.

3.**Về quyền kháng cáo bản án**: anh Nguyễn Sỹ H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị Kim A hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Hà Nội
-Cổng thông tin điện tử TANC
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà